

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIO LINH
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 06/2025/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

G, ngày 24 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025:

- Nguyên đơn: anh Lê Văn V, Sinh năm: 1979; địa chỉ: thôn X, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị; CCCD số: 045079008866, cấp ngày: 25/6/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội.

- Bị đơn: chị Lê Thị D, Sinh năm: 1978; địa chỉ: thôn X, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị; CCCD số: 045178002816, cấp ngày: 13/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn V và chị Lê Thị D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu cháu Lê T, sinh ngày 05/4/2018 cho anh Lê Văn V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Lê Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng cho cho đến khi cháu Lê T trưởng thành, đủ khả năng lao động. Cháu Lê A, sinh ngày 09/5/2002 và cháu Lê T1, sinh ngày 02/3/2005 đã trưởng thành, đủ khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, mà bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ chậm trả tiền, thì phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. *Về tài sản chung, nợ chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về án phí*: anh Lê Văn V thuận chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/2023 số 0000422 ngày 15/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị (anh V đã nộp đủ án phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Gio Linh;
- Chi cục THADS huyện Gio Linh;
- UBND thị trấn Cửa Việt (nơi đăng ký kết hôn trước đây là xã Gio Việt);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Tạ Thanh Tuấn